

Số: 979 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 18 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành
Dự án: Kè chống sạt lở bờ kênh Thốt Nốt (đoạn từ Nhà Văn hóa cũ đến rạch
Trà Cui), quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính
phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết
toán;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra số
913/BC-STC ngày 05 tháng 4 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, bao gồm các
nội dung như sau:

1. Tên dự án: Kè chống sạt lở bờ kênh Thốt Nốt (đoạn từ Nhà Văn hóa cũ đến rạch Trà Cui), quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt.
3. Địa điểm thực hiện: quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
4. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 và ngân sách địa phương).
5. Thời gian khởi công - hoàn thành: ngày 20/02/2020 - ngày 26/7/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:



Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số	97.145.451.019	85.963.970.662
1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	27.343.472.803	21.403.423.317
2. Chi phí xây dựng sau thuế	60.032.949.013	59.591.949.000
3. Chi phí quản lý dự án	1.217.162.490	1.200.000.000
4. Chi phí tư vấn	3.260.139.318	2.936.556.363
5. Chi phí khác	4.562.817.337	832.041.982
6. Dự phòng	728.910.058	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
Tổng số	99.478.010.000	85.963.970.662	85.998.553.662	19.883.000	54.466.000
Ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 và ngân sách địa phương	99.478.010.000	85.963.970.662	85.998.553.662	19.883.000	54.466.000

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi
Tổng số	85.963.970.662			
a) Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	85.963.970.662			
b) Tài sản ngắn hạn				

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**1.** Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	85.963.970.662	
Ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 và ngân sách địa phương	85.963.970.662	

b) Thanh toán và thu hồi các khoản công nợ theo quy định.

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 15 tháng 02 năm 2023 là:

- Tổng nợ phải trả: 19.883.000 đồng.

- Tổng nợ phải thu: 54.466.000 đồng.

*(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục đính kèm)***2.** Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định (đồng)	Tài sản lưu động
Tổng số	85.963.970.662	
Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt	85.963.970.662	

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND TP (1ACE);
- VP UBND TP (3D);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT. HS

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hồng

PHỤ LỤC

Chi tiết các khoản công nợ của Dự án Kè chống sạt lở bờ kênh Thốt Nốt (đoạn từ Nhà Văn hóa cũ đến rạch Trà Cui), quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
(Kèm theo Quyết định số 979 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố)

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Đơn vị thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đã thanh toán	Giá trị quyết toán	Công nợ tính đến ngày 15/02/2023	
						Phải trả	Phải thu
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		21.422.250.077	21.403.423.317	21.403.423.317		
1	Chi phí bồi thường các hộ dân	BQLDA và Phát triển quỹ đất quận Thốt Nốt	20.671.815.899	20.671.815.899	20.671.815.899	0	0
2	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		413.436.318	413.436.318	413.436.318	0	0
3	Chi phí thẩm tra, quyết toán chi phí tổ chức	Phòng TCKH quận Thốt Nốt	1.183.000	0	0	0	0
4	Chi phí tư vấn phục vụ bồi thường đối với hạng mục công trình chưa có đơn giá bồi thường		335.814.860	318.171.100	318.171.100	0	0
4,1	<i>Ks hiện trạng, lập bản vẽ, dự toán BT, HT đối với công trình xây dựng, vật kiến trúc không có quy định giá</i>	TT Giám định chất lượng xây dựng	176.429.000	158.786.100	158.786.100	0	0
4,2	<i>Thẩm tra bản vẽ, dự toán BT, HT đối với công trình xây dựng, vật kiến trúc không có quy định giá</i>	Công ty TNHH TVĐT XDCT 69	42.814.000	42.814.000	42.814.000	0	0
4,3	<i>Lập bản vẽ, dự toán vận chuyển, lắp đặt lại hệ thống dây chuyền, thiết bị</i>	TT Khuyến công và Tiết kiệm Năng lượng CT	84.571.860	84.571.000	84.571.000	0	0
4,4	<i>Thẩm tra bản vẽ, dự toán vận chuyển, lắp đặt lại hệ thống dây chuyền, thiết bị</i>	Công ty TNHH XD Thanh Tiến	32.000.000	32.000.000	32.000.000	0	0
II	Chi phí xây dựng sau thuế		59.591.949.000	59.591.949.000	59.591.949.000	0	0
1	<i>Giá trị thực hiện theo hợp đồng</i>	Cty CP XD Đê kè và PTNT Hải Dương	55.950.338.000	59.591.949.000	55.950.338.000	0	0
	<i>Giá trị theo hợp đồng trúng thầu</i>		57.336.062.000		57.336.062.000		
	<i>Giá trị phát sinh giảm</i>		1.385.724.000		-1.385.724.000		
2	<i>Giá trị phát sinh tăng ngoài hợp đồng</i>		3.905.222.000		3.905.222.000		
3	<i>Giá trị giảm trừ theo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành IV (Thông báo số 215/TB-KTNN ngày 30/6/2021)</i>		-263.611.000		-263.611.000		



STT	Khoản mục	Đơn vị thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đã thanh toán	Giá trị quyết toán	Công nợ tính đến ngày 15/02/2023	
						Phải trả	Phải thu
III	Chi phí quản lý dự án	BQLDA và Phát triển quỹ đất quận Thốt Nốt	1.217.162.490	1.200.000.000	1.200.000.000	0	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		3.008.275.580	2.971.139.363	2.936.556.363	19.883.000	54.466.000
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập dự án	Cty CPTV & ĐT Phát triển An Giang	110.994.000	484.865.000	110.994.000	0	0
2	Chi phí lập dự án		373.871.000		373.871.000		
3	Chi phí giám sát khảo sát giai đoạn lập dự án	Công ty TNHH TVĐT XDCT 69	5.120.648	5.120.000	4.817.000	0	303.000
4	Chi phí thẩm tra BCNCKT	Cty CPTV & ĐTXD Tây Đô	72.595.000	65.300.000	72.595.000	7.295.000	0
5	Chi phí khảo sát giai đoạn TKTC	Cty CPTV & ĐT Phát triển An Giang	235.819.483	235.819.483	235.819.483	0	0
6	Chi phí giám sát khảo sát giai đoạn TKTC	Công ty TNHH TVĐT XDCT 69	9.602.569	0	0	0	0
7	Chi phí thiết kế BVTC-DT	Cty CPTV & ĐT Phát triển An Giang	990.000.880	990.000.880	990.000.880	0	0
8	Chi phí thẩm tra TKKT-DT	Cty CPTV & ĐTXD Tây Đô	133.424.000	133.424.000	133.424.000	0	0
9	Chi phí tư vấn lập HSMT và ĐGHSĐT gói thầu TK BV thi công - DT	Cty CPĐTXD và TV Tổng hợp ABC	5.888.000	0	5.888.000	5.888.000	0
10	Chi phí tư vấn lập HSMT và ĐGHSĐT gói thầu giám sát thi công XD	Cty CPĐTXD và TV Tổng hợp ABC	9.523.000	0	6.700.000	6.700.000	0
11	Chi phí tư vấn lập HSMT và ĐGHSĐT gói thầu bảo hiểm công trình	Cty CPĐTXD và TV Tổng hợp ABC	4.827.000	0	0	0	0
12	Chi phí tư vấn lập HSMT và ĐGHSĐT gói thầu thi công xây dựng	Cty CPĐTXD và TV Tổng hợp ABC	93.623.000	93.623.000	91.683.000	0	1.940.000
13	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Cty CPTVXD Thủy lợi & Cơ sở hạ tầng Hải Dương	962.987.000	962.987.000	910.764.000	0	52.223.000
V	Chi phí khác		1.089.796.661	832.041.982	832.041.982	0	0
1	Chi phí bảo hiểm	Tổng cty bảo hiểm PVI	384.547.111	384.547.111	384.547.111	0	0
2	Chi phí đánh giá tác động môi trường	Cty CP Công nghệ Môi trường Sống Xanh	60.000.000	60.000.000	60.000.000	0	0
3	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT Tư vấn giai đoạn TKBVTC		2.000.000	0	0	0	0

STT	Khoản mục	Đơn vị thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đã thanh toán	Giá trị quyết toán	Công nợ tính đến ngày 15/02/2023	
						Phải trả	Phải thu
4	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu XL	Phòng TCKH quận Thốt Nốt	52.216.324	0	0	0	0
5	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu GS		2.000.000	0	0	0	0
6	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu bảo hiểm		2.000.000	0	0	0	0
7	Phí thẩm định Dự án	Sở NN & PTNT	12.447.733	12.447.733	12.447.733	0	0
8	Phí thẩm định TK-DT		45.658.138	45.658.138	45.658.138	0	0
9	Chi phí rà phá bom mìn	LD Cty TNHH MTV 622 và Lữ đoàn Công binh 25/QK9	158.805.000	158.805.000	158.805.000	0	0
10	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Sở Tài chính	370.122.355	170.584.000	170.584.000	0	0
	Tổng cộng		86.329.433.808	85.998.553.662	85.963.970.662	19.883.000	54.466.000

PHÒNG QUẢN LÝ